

Phụ lục III
CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NHÀ Ở CHO THUÊ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 303/NQ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ)

STT	Đơn vị	Chỉ tiêu giai đoạn 2026 – 2030 (căn)	Chỉ tiêu giao từng năm (căn)				
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
	TỔNG CỘNG	191.023	17.176	30.681	39.278	46.036	57.852
1	TP. Hà Nội	10.240	2.048	2.048	2.048	2.048	2.048
2	TP. Hồ Chí Minh	52.000	2.000	5.000	10.000	15.000	20.000
3	TP. Hải Phòng	15.000	1.000	3.000	3.000	3.000	5.000
4	TP. Huế	1.686	68	405	405	404	404
5	TP. Đà Nẵng	5.910	910	1.100	1.200	1.300	1.400
6	TP. Cần Thơ	1.537	180	280	280	380	417
7	TP. Đồng Nai	3.500	-	-	1.000	1.000	1.500
8	Tuyên Quang	200					200
9	Cao Bằng	200	35	40	40	40	45
10	Lào Cai	200		30	30	50	90
11	Thái Nguyên	10.000	835	1.000	1.500	2.500	4.165
12	Lạng Sơn	1.100		150	270	280	400
13	Sơn La	760	-	160	150	200	250
14	Điện Biên	500	-	100	150	150	100
15	Lai Châu	364	-	90	94	90	90
16	Phú Thọ	7.000	500	1.000	1.500	2.000	2.000
17	Hưng Yên	8.950	1.000	1.950	2.000	2.000	2.000
18	Bắc Ninh	10.000	1.300	2.100	2.100	2.100	2.400
19	Ninh Bình	8.500	3.500	1.000	1.200	1.300	1.500
20	Quảng Ninh	1.330	-	150	180	500	500
21	Thanh Hóa	1.080	-	200	250	250	380
22	Nghệ An	2.000	500	470	460	290	280
23	Hà Tĩnh	200	-	-	-	-	200
24	Quảng Trị	500	-	-	150	150	200
25	Quảng Ngãi	3.950	1.000	1.550	800	300	300
26	Khánh Hòa	2.100	-	400	400	600	700
27	Đắk Lắk	1.500	150	100	200	300	750
28	Gia Lai	673	105	111	147	115	195
29	Lâm Đồng	909		147	254	254	254
30	Tây Ninh	35.000	2.000	7.500	8.100	8.500	8.900
31	Vĩnh Long	899	45	600	85	85	84
32	Đồng Tháp	2.285	-	-	885	700	700
33	An Giang	250	-	-	-	-	250
34	Cà Mau	700	-	-	400	150	150